

Số: **34** /KH-UBND

Lục Ngạn, ngày **28** tháng 02 năm 2019

KẾ HOẠCH

Thực hiện cấp Giấy chứng nhận đối với diện tích Vải, Cam và Bưởi đã áp dụng đúng quy trình sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP cho các Hợp tác xã, Tổ hợp tác, các thôn trên địa bàn huyện năm 2019

Căn cứ Quyết định số 2067/QĐ-UBND ngày 23/12/2014 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Bắc Giang theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững giai đoạn 2015-2020;

Căn cứ Kế hoạch 36-KH/HU ngày 11/10/2016 của Ban Thường vụ Huyện ủy về việc thực hiện Nghị quyết số 130-NQ/TU ngày 16/8/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2016-2021;

Để công tác tuyên truyền, khuyến cáo nông dân thực hành sản xuất nông nghiệp tốt được tiếp tục nâng cao, chất lượng sản phẩm quả vải đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, phục vụ cho yêu cầu tiêu thụ trong nước và xuất khẩu; UBND huyện Lục Ngạn xây dựng Kế hoạch thực hiện cấp giấy chứng nhận đối với diện tích Vải, Cam và Bưởi đã áp dụng đúng quy trình sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP cho các Hợp tác xã, Tổ hợp tác, các thôn trên địa bàn huyện năm 2019 như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước, người sản xuất, kinh doanh và người tiêu dùng về vệ sinh an toàn thực phẩm đối với sản phẩm.

Nhằm từng bước phát huy tính chủ động của nhân dân trong thâm canh cây ăn quả đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, hỗ trợ kinh phí cấp giấy chứng nhận cho các thôn, Hợp tác xã, Tổ hợp tác đã áp dụng đúng quy trình sản xuất vải, cam, bưởi theo tiêu chuẩn VietGAP.

Góp phần đảm bảo sức khỏe cho nhân dân, mở rộng thị trường nội địa và quốc tế, nâng cao hiệu quả và phát triển sản xuất bền vững để xây dựng huyện Lục Ngạn trở thành vùng cây ăn quả trọng điểm cấp Quốc gia.

2. Yêu cầu

Tập huấn, hướng dẫn cho 100% Hợp tác xã, Tổ hợp tác, các thôn, hộ nông dân trên toàn huyện có nhu cầu áp dụng các biện pháp kỹ thuật sản xuất vải, cam, bưởi theo tiêu chuẩn VietGAP.

Kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc cấp giấy chứng nhận cho Hợp tác xã, Tổ hợp tác, các thôn, hộ nông dân đã áp dụng đúng quy trình sản xuất vải, cam, bưởi theo tiêu chuẩn VietGAP.

II. MỤC TIÊU CỤ THỂ

Nâng cao chất lượng sản phẩm quả vải, cam, bưởi đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.

100% số xã, thị trấn của huyện tổ chức cho các thôn, Hợp tác xã, Tổ hợp tác ký cam kết áp dụng đúng quy trình sản xuất vải, cam, bưởi theo tiêu chuẩn VietGAP nhằm nâng cao năng lực quản lý sản xuất vải thiều, cam, bưởi an toàn theo tiêu chuẩn VietGAP.

UBND huyện cấp giấy chứng nhận đối với diện tích vải (11.500 ha), cam và bưởi (1.500 ha) cho các thôn, Hợp tác xã, Tổ hợp tác trên địa bàn các xã, thị trấn đã áp dụng đúng quy trình sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP.

III. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Tổ chức tập huấn, tuyên truyền kỹ thuật sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP

- *Đối tượng:* Tập huấn quy trình sản xuất vải, cam, bưởi theo tiêu chuẩn VietGAP cho các Tổ hợp tác, Hợp tác xã, các thôn, người sản xuất có nhu cầu.

- *Nội dung tập huấn:*

+ Tuyên truyền, phổ biến quy định của pháp luật về vệ sinh an toàn thực phẩm cho Tổ hợp tác, Hợp tác xã, cho người sản xuất;

+ Tập huấn quy trình sản xuất vải, cam, bưởi theo tiêu chuẩn VietGAP.

- *Công tác thông tin tuyên truyền:*

+ Tăng cường thông tin tuyên truyền, phổ biến đến bà con nông dân, người sản xuất các quy định, hướng dẫn về đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm nhằm nâng cao nhận thức của nhân dân;

+ Giới thiệu các mô hình, gương điển hình về tổ chức sản xuất được cấp chứng nhận và tiêu thụ sản phẩm quả sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP.

2. Kiểm tra, thẩm định, đánh giá, cấp giấy chứng nhận VietGAP

Thành lập các tổ kiểm tra, thẩm định, đánh giá việc cấp giấy chứng nhận cho các hộ dân đã áp dụng đúng quy trình sản xuất vải, cam, bưởi theo tiêu chuẩn VietGAP.

Tổ chức ký cam kết và cấp Giấy chứng nhận cho các thôn, Tổ hợp tác, Hợp tác xã áp dụng đúng quy trình sản xuất vải, cam, bưởi theo tiêu chuẩn VietGAP.

3. Hỗ trợ kinh phí để cấp giấy chứng nhận VietGAP

UBND huyện hỗ trợ 100% kinh phí in Giấy chứng nhận đã áp dụng đúng quy trình sản xuất vải, cam, bưởi theo tiêu chuẩn VietGAP cho các Hợp tác xã, Tổ hợp tác, các thôn trên địa bàn các xã, thị trấn đã đáp ứng đủ yêu cầu.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Nông nghiệp và PTNT

Chủ trì, ban hành kế hoạch chi tiết cho từng xã và phối hợp với các cơ quan có liên quan triển khai các hoạt động cụ thể của Kế hoạch.

(Có biểu phân bổ kế hoạch diện tích kèm theo)

Phối hợp với các cơ quan có liên quan thực hiện việc kiểm tra, giám sát đánh giá tuân thủ các quy định về quy trình sản xuất vải thiều, cam, bưởi theo

tiêu chuẩn VietGAP đối với các thôn, Hợp tác xã, Tổ hợp tác đã ký cam kết tại các xã, thị trấn; đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc tổ chức tập huấn tại các xã (*thực hiện xong trước 30/4/2019*).

Thẩm định hồ sơ, hoàn tất các thủ tục trình UBND huyện cấp Giấy chứng nhận cho các Tổ hợp tác, Hợp tác xã, các thôn đã áp dụng đúng quy trình sản xuất đối với vải (*thực hiện xong trước 30/5/2019*); đối với cam và bưởi theo tiêu chuẩn VietGAP (*thực hiện xong trước 15/9/2019*).

2. Phòng Tài chính - Kế hoạch

Hướng dẫn các cơ quan chuyên môn thanh quyết toán trong việc cấp giấy chứng nhận cho các Hợp tác xã, tổ hợp tác, các thôn, hộ dân đã áp dụng đúng quy trình sản xuất vải, cam, bưởi theo tiêu chuẩn VietGAP trên địa bàn huyện.

3. Trung tâm Dịch vụ - Kỹ thuật nông nghiệp huyện

- Phối hợp với Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn bổ sung và hoàn thiện quy trình sản xuất vải thiều, cam, bưởi theo tiêu chuẩn VietGAP; phối hợp với UBND các xã, thị trấn tổ chức tập huấn, hướng dẫn nhân dân áp dụng quy trình sản xuất vải thiều, cam, bưởi theo tiêu chuẩn VietGAP; kiểm tra, hoàn thiện hồ sơ trình Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện để tham mưu cho UBND huyện cấp giấy chứng nhận cho các Hợp tác xã, tổ hợp tác, các thôn, hộ dân đã áp dụng đúng quy trình (*xong trước ngày 20/4/2019*).

- Tham mưu cho UBND huyện xây dựng kế hoạch tập huấn kỹ thuật sản xuất vải, cam, bưởi theo tiêu chuẩn VietGAP năm 2019;

- Phối hợp với UBND các xã trong việc tuyên truyền, khuyến cáo nhân dân thực hành sản xuất nông nghiệp tốt; lập hồ sơ đề nghị các cơ quan chuyên môn thẩm định trình UBND huyện cấp giấy chứng nhận cho Hợp tác xã, Tổ hợp tác, các thôn, hộ dân đủ điều kiện.

4. Hội Nông dân huyện

Tăng cường vận động, tuyên truyền hướng dẫn và tổ chức cho các hội viên tham gia tích cực trong việc xây dựng nhóm nông dân liên kết áp dụng đúng quy trình sản xuất vải, cam, bưởi theo tiêu chuẩn VietGAP.

5. Trung tâm Văn hóa - Thông tin và thể thao

Phối hợp với các cơ quan chuyên môn của huyện, UBND các xã, thị trấn tăng cường tuyên truyền, phổ biến, thông tin về các nội dung liên quan đến các quy định, quy trình sản xuất vải, cam, bưởi theo tiêu chuẩn VietGAP đến với nhân dân.

Tập trung tuyên truyền những gương điển hình tiên tiến, những cá nhân, tập thể làm tốt trong sản xuất vải, cam, bưởi theo tiêu chuẩn VietGAP.

6. UBND các xã, thị trấn

Phối hợp với các cơ quan chuyên môn triển khai, thực hiện tốt Kế hoạch của UBND huyện. Phối hợp tổ chức các lớp tập huấn cho các hộ dân thực hành áp dụng các biện pháp kỹ thuật sản xuất vải, cam, bưởi theo tiêu chuẩn VietGAP (*xong trước ngày 10/4/2019*).

Chỉ đạo cán bộ chuyên môn hướng dẫn cho các Hợp tác xã, tổ hợp tác, các thôn ký cam kết áp dụng đúng theo quy trình sản xuất vải thiều, cam, bưởi theo tiêu chuẩn VietGAP theo kế hoạch của UBND huyện; lập danh sách diện tích vải, cam, bưởi sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP đã được giao cụ thể theo từng thôn gửi về cơ quan Phòng Nông nghiệp và PTNT tổng hợp (xong trước 20/4/2019).

Phối hợp với Trung tâm Dịch vụ - Kỹ thuật nông nghiệp huyện chỉ đạo lập hồ sơ đề nghị UBND huyện cấp giấy chứng nhận cho các thôn, Hợp tác xã, Tổ hợp tác đủ điều kiện (thực hiện xong trước ngày 20/4/2019).

Tích cực tuyên truyền, vận động, giám sát nhân dân trên địa bàn thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP) đảm bảo an toàn chất lượng sản phẩm, vệ sinh môi trường.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện cấp giấy chứng nhận cho các Hợp tác xã, Tổ hợp tác, các thôn đã áp dụng đúng quy trình sản xuất vải, cam và bưởi theo tiêu chuẩn VietGap trên địa bàn huyện. Yêu cầu Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Chủ tịch UBND các xã, thị trấn nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận: *ly*

- Lưu: VT.

Bản điện tử:

- Sở Nông nghiệp và PTNT;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Phòng NN và PTNT (T/h),
- Hội Nông dân (P/h);
- Phòng Tài chính- KH huyện;
- Trung tâm Dịch vụ - kỹ thuật nông nghiệp;
- Trung tâm Văn hóa - Thông tin và thể thao (T/h);
- UBND các xã, thị trấn (T/h);
- LĐVP, CVTH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Bá Thành

PHÂN BỐ CHỈ TIÊU DIỆN TÍCH VÀI THIỀU SẢN XUẤT THEO TIÊU CHUẨN VIETGAP CHO CÁC XÃ, THỊ TRẤN NĂM 2019

(Kèm theo Kế hoạch số 44 /KH-UBND ngày 08 /02/2019 của UBND huyện)

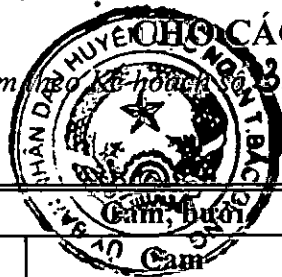


STT	Tên xã	Vải thiều		Vải VietGAP	
		Diện tích (ha)	Sản lượng (tấn)	Diện tích (ha)	Sản lượng (tấn)
1	Thị Trấn	76	416	76	510
2	Cẩm Sơn	327	1.248	225	1.425
3	Tân Sơn	665	3.329	420	2.604
4	Phong Minh	94	416	70	425
5	Phong Vân	626	1.571	345	2.415
6	Sa Lý	82	281	62	350
7	Hộ Đáp	630	2.393	300	1.890
8	Sơn Hải	408	1.873	250	1.550
9	Thanh Hải	776	6.450	755	5.310
10	Kiên Lao	559	3.152	535	3.905
11	Biên Sơn	627	3.017	340	1.995
12	Kiên Thành	523	4.838	365	2.665
13	Hồng Giang	521	4.245	521	3.855
14	Kim Sơn	148	1.040	100	630
15	Tân Hoa	519	2.700	310	2.030
16	Giáp Sơn	660	4.755	660	5.016
17	Biển Động	845	5.275	320	2.068
18	Quý Sơn	2.102	12.060	1.560	11.555
19	Trù Hựu	450	2.492	450	3.140
20	Phì Điền	235	1.665	235	1.670
21	Nghĩa Hồ	129	882	129	895
22	Tân Quang	480	3.954	480	3.744
23	Đồng Cốc	525	3.277	335	2.145
24	Tân Lập	726	3.875	460	3.266
25	Phú Nhuận	330	1.717	167	1.070
26	Mỹ An	610	3.902	570	3.933
27	Nam Dương	444	3.184	440	3.124
28	Tân Mộc	343	3.308	310	2.300
29	Đèo Gia	233	2.445	200	1.300
30	Phượng Sơn	597	3.870	510	3.715
Tổng Cộng		15.290	93.630	11.500	80.500

Biểu 02:

**PHÂN BỐ CHỈ TIÊU DIỆN TÍCH CAM, BƯỚI SẢN XUẤT THEO TIÊU CHUẨN VIETGAP
CÁC XÃ, THỊ TRẤN NĂM 2019**

(Kèm theo Kế hoạch số 34/KH-UBND ngày 28/02/2019 của UBND huyện)



Đơn vị tính: Diện tích: ha
Sản lượng: Tấn

STT	Tên xã	Cam, bưởi						Cam, bưởi VietGAP					
		Tổng cộng		Cam		Bưởi		Tổng cộng		Cam		Bưởi	
		Diện tích	Sản lượng	Diện tích	Sản lượng	Diện tích	Sản lượng	Diện tích	Sản lượng	Diện tích	Sản lượng	Diện tích	Sản lượng
1	Thị Trấn	4	18	2	5	2	13	-	-	-	-	-	-
2	Cầm Sơn	28	68	11	12	17	56	-	-	-	-	-	-
3	Tân Sơn	97	391	42	148	55	243	-	-	-	-	-	-
4	Phong Minh	16	21	9	6	7	15	-	-	-	-	-	-
5	Phong Vân	45	33	15	11	30	22	-	-	-	-	-	-
6	Sa Lý	30	26	7	6	23	20	-	-	-	-	-	-
7	Hộ Đáp	78	87	40	52	38	35	-	-	-	-	-	-
8	Sơn Hải	50	162	13	42	37	120	-	-	-	-	-	-
9	Thanh Hải	452	8.383	308	5.863	144	2.520	170	1.960	120	1.440	50	520
10	Kiên Lao	235	1.980	115	1.120	120	860	30	304	25	262	5	42
11	Biên Sơn	211	968	101	638	110	330	-	-	-	-	-	-
12	Kiên Thành	258	1.470	128	460	130	1.010	45	450	30	320	15	130
13	Hồng Giang	338	5.543	250	4.443	88	1.100	200	2.437	145	1.915	55	522
14	Kim Sơn	61	278	33	188	28	90	-	-	-	-	-	-
15	Tân Hoa	67	273	24	143	43	130	-	-	-	-	-	-
16	Giáp Sơn	148	1.072	71	262	77	810	29	300	17	190	12	110
17	Biên Động	28	120	14	70	14	50	-	-	-	-	-	-



STT	Tên xã	Cam, bưởi						Cam, bưởi VietGAP					
		Tổng cộng		Cam		Bưởi		Tổng cộng		Cam		Bưởi	
		Diện tích	Sản lượng	Diện tích	Sản lượng	Diện tích	Sản lượng	Diện tích	Sản lượng	Diện tích	Sản lượng	Diện tích	Sản lượng
18	Quý Sơn	490	4.706	163	1.763	327	2.943	165	1.947	90	1.107	75	840
19	Trù Hựu	219	1.902	124	1.272	95	630	85	890	50	535	35	355
20	Phi Điền	29	181	19	95	10	86	24	242	15	157	9	85
21	Nghĩa Hồ	149	1.610	104	1.200	45	410	63	675	50	555	13	120
22	Tân Quang	494	7.430	436	5.980	58	1.450	187	2.403	175	2.275	12	128
23	Đồng Cốc	149	1.540	121	1.425	28	115	40	408	40	408	-	-
24	Tân Lập	341	2.240	243	1.560	98	680	115	1.085	75	750	40	335
25	Phú Nhuận	58	169	36	72	22	97	-	-	-	-	-	-
26	Mỹ An	352	3.030	239	1.870	113	1.160	70	692	60	612	10	80
27	Nam Dương	360	2.892	274	2.135	86	757	70	749	70	749	-	-
28	Tân Mộc	1.049	10.351	849	8.791	200	1.560	138	1.795	138	1.795	-	-
29	Đèo Gia	70	485	46	315	24	170	-	-	-	-	-	-
30	Phượng Sơn	294	3.071	163	2.053	131	1.018	69	763	45	530	24	233
Tổng Cộng		6.200	60.500	4.000	42.000	2.200	18.500	1.500	17.100	1.145	13.600	355	3.500